

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 75/BC-SYT ngày 06/3/2018 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tại Tờ trình số 10/TTr-BVĐK ngày 23/02/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu

thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tổ chức thực hiện mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y_12)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Giang Gry Niê Không

Phụ lục 1: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu:

[illegible]

PHỤ LỤC 2: Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc Generic thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018
Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản

(Kèm theo Quyết định số 526 /QĐ-UBND ngày 13 /3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Đóng gói	SĐK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Atropinsulfat	Atropin sulfat	3	0,25 mg/ml	Tiêm	Hộp 100 ống, dung dịch tiêm	VD-24897- 16	Công ty CP DP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ống	525	50	26.250
2	Statripsine	Alphachymotrypsin	2	4,2 mg	Uống	Hộp 5 vi x 10 Viên nén	VD-21117- 14	Stada Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.250	500	625.000
3	Adrenaline - BFS 1mg	(Epinephrin) Adrenalin	3	1 mg/ml	Tiêm	Hộp 10 ống x 1ml; Hộp 5 vi x 10 ống	VD-21546- 14	CT CP DP CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	2.100	10	21.000
4	Droxicef 500mg	Cefadroxil	2	500 mg	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-23835- 15	Công ty CP Pymepharco	Việt Nam	Viên	1.930	5.000	9.650.000
5	Neostyl	Neomycin sulfate + Nystatin + Metronidazol	3	(500mg + 65.000IU +100.000IU)	Đặt âm đạo	Hộp 1vi x 10 viên; viên nén đặt âm đạo	VD-22298- 15	Công ty cổ phần SPM	Việt Nam	Viên	1.279	4.800	6.139.200
6	Tinidazol	Tinidazol	3	500 mg	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên nén bao phim	VD-22177- 15	Công ty CPDP Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	338	500	169.000
7	Salgad	Fluconazol	3	150 mg	Uống	Hộp 1 vi x 1 viên	VD-14866- 11	Công ty TNHH dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	2.900	500	1.450.000
8	Nystatin 100.000IU	Nystatin	3	100.000 UI	Đặt âm đạo	Hộp 1 vi x 12 viên	VD-16497- 12	Công ty cổ phần Dược phẩm 3/2	Việt Nam	Viên	588	500	294.000
9	Domitazol	Bột hạt Malva + Xanh methylen + Camphor monobromid	3	20mg+25mg +250mg	Uống	Hộp 5 vi x 10 viên bao đường	VD-22627- 15	DOMESCO	Việt Nam	Viên	1.199	500	599.500
10	Uniferon B9	Sắt sulfat + folic acid	3	50mg + 250mcg	Uống	Hộp 3 vi x 10 viên nén bao đường	VD-18789- 13	Mediplantex	Việt Nam	Viên	994	2.000	1.988.000
11	BFS- Tranexamic 250mg/5ml	Acid tranexamid	3	250 mg	Tiêm	Dung dịch tiêm, Hộp 20 ống x 5ml	VD-21550- 14	Công ty CPDP CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	3.768	50	188.400

TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm	Nồng độ, Hàm lượng	Dạng bào chế/ Đường dùng	Đóng gói	SDK hoặc số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
12	Cammic	Acid tranexamid	3	500 mg	Uống	Hộp 10 vi x 10 viên	VD-17592- 12	Công ty CPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	1.680	500	840.000
13	A.T Domperidone	Domperidone	3	1mg/ml, lọ 30 ml	Uống	Thùng 280 hộp 1chai x 30ml	VD-26743- 17	Công ty CP Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	7.560	100	756.000
14	Biosubtyl DL	Bacillus subtilis+ Lactobacillus acidophilus	3	3x107CFU + 3x107CFU	Thuốc bột, uống	Hộp 10 gói; 25 gói thuốc bột	QLSP-0767- 13	Công ty TNHH MTV Vắc xin Pasteur Đà Lạt	Việt Nam	Gói	1.386	200	277.200
15	MIFREDNOR 200	Mifepriston	3	200 mg	Viên	Hộp 1 vi x 1 viên	QLĐB-373- 13	Công ty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	51.500	180	9.270.000
16	Misoprostol stada 200mg	Misoprostol	3	200 mcg	Uống	Hộp 1 vi x 2 viên, hộp 3 vi x 10 viên nén	VD-13626- 10	Công ty CP TNHH Stada VN	Việt Nam	Viên	4.500	3.000	13.500.000
17	MUMCAL	Calci lactat	3	500mg/10ml	Uống	Ống 10ml	VD-20804- 14	Công ty CPDP Phương Đông	Việt Nam	Ống	3.400	5.000	17.000.000
18	Osaki	Vitamin B1 + Vitamin B2 + Vitamin B6 + Vitamin PP + Calci + Kẽm + Lysin	3	18mg + 18mg+ 18mg+ 18mg + 40mg+ 30mg+ 500mg; lọ 90ml	Siro	Hộp 1 lọ 90ml	VD-17476- 12	Công ty CPDP Nam Hà	Việt Nam	Chai	35.000	200	7.000.000
19	Diazepam	Diazepam	3	10mg/2ml	Thuốc tiêm	Hộp 10 ống 2ml, Dung dịch tiêm	VD-25308- 16	Công ty CPDP Trung ương Vidipha	Việt Nam	Ống	4200	50	210.000
20	Pethidin-hameln 50mg/ml	Pethidin	1	100mg /2ml	Tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml dung dịch tiêm	VN-19062- 15	Hameln	Đức	Ống	16.000	50	800.000
21	FOGYMA	Sắt (III) hydroxyd polymaltose	3	50mg/10ml	Uống	Thùng 30 hộp x 10 vi x 5 ống nhựa bê x 10ml	VD-22658- 15	Công ty CPDP CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Ống	7.500	2.000	15.000.000
Tổng cộng: 21 khoản													85.803.550
													Làm tròn 85.804.000